

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **79/2019/HSST**

Ngày: **30/11/2019**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Trí

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung - là thư ký Toà án nhân dân quận C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, Toà án nhân dân quận C mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2019/HSST ngày 13 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐXXST-HS ngày 14/11/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1994; Nơi sinh: Cần Thơ; ĐKTT: 15/3 Khu vực 6, phường HT, quận C, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành L (chết) và bà: Nguyễn Thị Thu H (sống); tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị **Lê Hồng N**; sinh năm: 1985. Địa chỉ: số 1A/3 Tổ 3, Khu vực 6, phường HT, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Nguyễn Quang D**; sinh năm: 1991. Địa chỉ: ấp Thạnh Thuận, xã Đ, huyện CT, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

2/ Anh **Chế Minh D1**. Địa chỉ: 22/23/37/6 đường Mạc Đĩnh Chi, phường An Cư, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

3/ Anh **Hồ L**; sinh năm: 1970. Địa chỉ: 306 khu vực Thạnh Phú, phường TT, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

4/ Anh **Dương Văn C**; sinh năm: 1984- Chủ tiệm cầm đồ C; địa chỉ: ấp Thạnh Thuận, xã Đ, huyện CT, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1/ Anh **Lý Hoàng L**; sinh năm: 1984. Địa chỉ: khu vực 4, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

2/ Anh **Nguyễn Hoàng S**; sinh năm: 1984. Địa chỉ: khu vực Yên Trung, phường Lê B, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3/ Chị **Nguyễn Thị Phương T**; sinh năm: 1968. Địa chỉ: 208/1 khu vực Yên Trung, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận C truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 11/6/2019, Nguyễn Thanh B đi bộ từ nhà tại số 15/3 Khu vực 6, phường HT, quận C, thành phố Cần Thơ ra Bờ kè Sông Cần Thơ gần nhà thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu CHENGFEI biển số 65F1-1922 của chị Lê Hồng N đang đậu trước sân nhà chị N tại Khu vực 6, phường Hưng Thạnh, quận C, không có người trông coi. B leo lên xe ngồi khoảng 05 phút thì thấy không có ai, xe cũng không khóa cô nên B nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe, bán lấy tiền tiêu xài. B dùng tay giật đứt 02 sợi dây điện ở cổ xe, lấy xe chạy đến phòng trọ của ông Hồ L tại khu vực Thạnh Phú, phường TT, quận C, thành phố Cần Thơ để nhậu cùng với ông L, Nguyễn Hoàng S, Lý Hoàng L (Tùng) và Nguyễn Thị Phương T.

Trong lúc nhậu, B nói xe của dì cho B, thấy ông L không có xe chạy nên muốn bán xe cho ông L giá **1.000.000đ**. Ông L đồng ý mua nhưng do B chưa đưa giấy đăng ký xe cho ông L nên ông L đưa trước **500.000đ**, khi nào B đưa giấy đăng ký xe sẽ trả đủ số tiền còn lại. B đồng ý giao xe cho ông L và lấy **500.000đ** đi tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, chị N phát hiện mất xe nên trình báo công an.

Ngày 25/6/2019, Công an phường Hưng Thạnh, quận C tiến hành thu hồi xe tại phòng trọ của ông Hồ L. Quá trình điều tra, B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Xe mô tô nhãn hiệu CHENGFEI biển số 65F1-1922 anh Nguyễn Quang D mua vào ngày 27/7/2010 tại Cửa hàng Cầm đồ C tại ấp Thạnh Thuận, xã Đ, huyện CT, tỉnh Hậu Giang với giá **4.800.000đ**. Anh D cho chị N mượn để làm phương tiện đi lại được khoảng 01 tháng.

Kết quả định giá tài sản ngày 11/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận C, kết luận: xe mô tô nhãn hiệu CHENGFEI biển số 65F1-1922, đã qua sử dụng có giá trị **2.700.000đ** (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

Qua điều tra, xe mô tô nhãn hiệu CHENGFEI biển số 65F1-1922 do anh Chế Minh D1; địa chỉ: 22/23/37/6 đường Mạc Đình Chi, phường An Cư, quận N, thành phố Cần Thơ đứng tên. Anh D1 đã bán nhà đi khỏi địa phương khoảng 07

năm nay. Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe cho anh Nguyễn Quang D.

Đối với ông Hồ L khi mua xe, không biết là tài sản do B trộm cắp mà có nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 45/CT-VKS ngày 12/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân quận C đã truy tố Nguyễn Thanh B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu kết luận vụ án:

- Vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản luật đã viện dẫn.

- Xét thấy, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản là xe mô tô nhãn hiệu CHENGFEI biển số 65F1-1922 của chị Lê Hồng N vào ngày 11/6/2019, giá trị tài sản là **2.700.000đ**. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ **06 tháng** đến **01 năm** tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Xe mô tô nhãn hiệu CHENGFEI biển số 65F1-1922 đã thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Quang D. Anh D và chị N không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ông Hồ L tự nguyện giao nộp chiếc xe đã mua nên bị cáo phải hoàn trả lại cho ông L số tiền **500.000đ**.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Quang D nên đề nghị công nhận việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo; lời khai của bị hại là chị Lê Hồng N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng khác tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, xét thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi bị cáo Nguyễn Thanh B lén lút lấy xe mô tô nhãn hiệu CHENGFEI biển số 65F1-1922 của chị Lê Hồng N, trị giá **2.700.000đ** vào ngày **11/6/2019** tại khu vực 6, phường HT, quận C đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là chính xác.

[3] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Xét thấy, bị cáo là người trưởng thành, đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười biếng lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội, cho thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải có hình phạt để giáo dục, cải tạo cho bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên áp dụng khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án hình phạt tù dưới khung hình phạt quy định cũng đủ răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

[6] Đối với ông Hồ L có mua chiếc xe do bị cáo trộm được nhưng ông Hồ L không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, ông L cũng cần cẩn trọng hơn giao dịch mua bán tài sản để tránh tiếp tay cho tội phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Quang D là chủ sở hữu xe đã nhận lại tài sản. Anh D và bị hại là chị N và không có yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

Ông Hồ L tự nguyện giao nộp tài sản đã mua được nên bị cáo phải hoàn trả lại cho ông L số tiền **500.000đ**.

[8] **Về vật chứng:** Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Quang D nên cần công nhận việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra.

[9] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm và **300.000đ** án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Nguyễn Thanh B phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Thanh B **03 (Ba) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ khi bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Quang D là chủ sở hữu xe đã nhận lại tài sản. Anh D và bị hại là chị N và không có yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

Ông Hồ L tự nguyện giao nộp tài sản đã mua được nên bị cáo phải hoàn trả lại cho ông L số tiền **500.000đ**.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Công nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra: đã trả lại cho chủ sở hữu là Nguyễn Quang D xe mô tô CHENGFEI biển số 65F1-1922.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí;

Bị cáo phải chịu **200.000đ** (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **300.000đ** án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa; kể từ ngày nhận được bản sao bản án đối với bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa; bị cáo, bị hại và các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Trại giam, Công an Q. C.
- Cơ quan Thi hành án.
- Bị cáo.
- Các đương sự.

Nguyễn Thị Thùy Trang